

GÓP PHẦN TÌM HIỂU CƠ SỞ LÝ LUẬN NGHIÊN CỨU NIỀM TIN XÃ HỘI

PHẠM LIÊN KẾT*

1. Đặt vấn đề

Có một thành ngữ khẳng định vai trò, giá trị của niềm tin và khoa học trong đời sống xã hội loài người: “Xã hội tồn tại nhờ niềm tin và phát triển nhờ khoa học” (Henri Frederic Amiel - Nhà triết học Thụy Sĩ).

Thành ngữ trên đã nói lên tầm quan trọng của niềm tin trong cuộc sống của con người; không phải ngẫu nhiên mà trong suốt chiều dài lịch sử nhân loại, từ thời cổ đại cho đến ngày nay, niềm tin luôn được khẳng định như một giá trị cơ bản mang tính đạo đức, tính nhân văn và tính xã hội trong tất cả các quan hệ và trao đổi giữa con người với nhau.

Trong xã hội, niềm tin vào cuộc đời, vào con người với nhau, vào kỷ cương của luật pháp, vào tương lai, vào tín ngưỡng tôn giáo. Niềm tin là cơ sở quan trọng quyết định bản chất các mối quan hệ xã hội, song để có được những niềm tin chân chính và cao đẹp, con người phải thông qua giáo dục dựa trên nhân bản. Một quốc gia muốn phát triển bền vững cần có được những niềm tin chân chính, trong đó quan trọng nhất là niềm tin vào con người, vào thể chế tổ chức, luật pháp và tin ở chính bản thân mình.

Ở Việt Nam đang xuất hiện một hiện tượng mà các nhà nghiên cứu trong lĩnh vực Quản lý, Đạo đức học, Giáo dục học và Xã hội học gọi là “sự suy giảm niềm tin”. Sự “tin cậy” hay “hoài nghi” tuy không được nhắc đến nhiều nhưng luôn “ám ảnh” các chủ thể trước khi thực hiện một giao dịch hoặc một công việc nào đó có liên quan đến người khác. Cảm giác về sự bất an là một thực tế mà người dân phải đối mặt trong đời sống xã hội ngày nay.

Trước hiện tượng xã hội nêu trên, cần có nhiều hơn các nghiên cứu về niềm tin xã hội. Bài viết này mong muốn góp phần tìm hiểu cơ sở lý luận nghiên cứu niềm tin xã hội, một trong những vấn đề còn nhiều tranh luận trong những năm qua và hiện nay.

2. Tổng quan nghiên cứu về niềm tin xã hội

Việc đưa ra một định nghĩa về niềm tin xã hội không hề đơn giản, bởi lẽ khái niệm này phức tạp và có phần nào đó còn mơ hồ, trừu tượng bởi nội hàm rộng và đa nghĩa. Theo Trần Hữu Quang (2013:18) “trong nhân giới xã hội học, lòng tin hay sự tin cậy vào người khác là một hiện tượng xã hội tâm lý - văn hóa tổng hợp và tâm thế này được coi là một trong những điều kiện căn bản để có thể duy trì đời sống tập thể. Người ta không thể sống được với nhau nếu không tin nhau”.

* ThS, Viện Xã hội học.

Khái niệm niềm tin xã hội dễ cảm nhận và phân tích nhưng rất khó nắm bắt, hay nói đúng hơn là chưa có một định nghĩa nào có khả năng bao quát toàn bộ nội hàm của khái niệm này. Tuy nhiên, nội hàm của khái niệm niềm tin xã hội luôn bao gồm: 1/ Tin cậy (sự tin tưởng); 2/ Hoài nghi (sự nghi ngờ); 3/ Không tin. Trong đó, tin cậy là cơ sở cần thiết trong các mối quan hệ xã hội, mặc dù mức độ tin cậy có thể khác nhau. Ngược lại sự tin cậy là sự hoài nghi, chỉ sự nghi vấn, mù mờ, không rõ ràng. Không tin là thuật ngữ chỉ sự phủ định (bất tín) giữa con người với nhau.

Có thể hiểu niềm tin xã hội là sự kỳ vọng của cá nhân vào những vai trò xã hội và định chế xã hội, được thực hiện theo những chuẩn mực trong một bối cảnh xã hội cụ thể. Đó là niềm tin của các thành viên vào những vai trò và định chế quan trọng, từ đó hình thành nên niềm tin chung của con người với nhau trong xã hội (Đặng Nguyên Anh, 2015).

Có thể xem Georg Simmel là người đầu tiên sử dụng khái niệm niềm tin trong nghiên cứu của mình. Trong tác phẩm “Sự bí mật và những hội kín” (1908), ông cho rằng “mọi mối quan hệ giữa con người với nhau đương nhiên dựa trên sự kiện là họ biết gì đó về nhau” (trích theo Trần Hữu Quang, 2013:17-18). Như vậy, Simmel coi lòng tin là thuộc tính chủ yếu, thậm chí là thuộc tính đầu tiên của xã hội hiện đại; Ông coi các xã hội hiện đại là xã hội của lòng tin cậy. Cuộc sống của chúng ta phụ thuộc phần lớn vào niềm tin vào người khác và vào sự lương thiện của người khác”.

Putnam (2013) trong công trình “Sự suy giảm vốn xã hội ở Hoa Kỳ” đã đưa ra những nhận định về mối liên hệ mật thiết giữa niềm tin xã hội với trình độ học vấn và sự hiểu biết của người dân Mỹ: “một nhận định, hay một đánh giá nào đó của công chúng về một sự kiện lịch sử đã được công bố trong các sách giáo khoa, hoặc một chính sách nào đó đã được thực thi có thể thay đổi niềm tin của công chúng theo thời gian khi mà các thông tin về sự thật đó trước kia đã bị bung bít và sau đó được công khai và đánh giá lại”.

Hiện có rất ít các nghiên cứu về niềm tin và niềm tin xã hội ở Việt Nam. Các nghiên cứu về lĩnh vực này không chỉ ít về số lượng mà còn hạn chế về chất lượng và giá trị khoa học do nhiều nguyên nhân khác nhau. Các công trình nghiên cứu này chủ yếu dựa trên cách tiếp cận tâm lý học hay triết học, trong khi các nghiên cứu xã hội học lại rất ít và chỉ mới chỉ xuất hiện trong thời gian qua. Trong phần này, bài viết sẽ tập trung đánh giá, phân tích một số công trình nghiên cứu.

Từ một nghiên cứu tâm lý học, Nguyễn Ngọc Phú (2000:18) cho rằng: “niềm tin mang bản chất xã hội và là hiện tượng tâm lý đặc biệt gắn liền với hành vi và hoạt động của con người... Niềm tin có một cấu trúc tâm lý phức tạp bao gồm trong nó các thành tố kiến thức, tình cảm và ý chí. Một công trình nghiên cứu khác của Trần Thị Minh Đức (2006:190) đã chỉ ra những ảnh hưởng của định kiến giới khá phổ biến ở nước ta đến xã hội hóa trẻ em và hành vi của người trưởng thành sau này.

Trong bài “Tin và đáng tin”, Bùi Văn Nam Sơn (2003) có viết: “Lòng tin không thể mua mà có, không thể ra lệnh mà được, không thể học hay dạy mà cần thời gian để thử thách ở cả hai chiều”. Tác giả đã khẳng định niềm tin là một giá trị nhân loại, nhưng cần

phân biệt giữa niềm tin đích thực và niềm tin mù quáng. Theo tác giả “việc có được lòng tin đích thực (hay ngược lại, tạo được lòng tin đích thực nơi người khác) là gian nan hơn mới thoát nhìn, vì lòng tin không phải là quà tặng dễ dãi mà phải “lao động”cật lực mới có được - giống như đối với mọi giá trị bền vững đích thực khác”.

Trần Hữu Quang (2013) xem lòng tin là một phần của vốn xã hội: “Các chuẩn mực xã hội (social norms), và lòng tin trong xã hội (social trust) vốn là những cái được coi là giúp cho các thành viên có thể hợp tác làm việc chung với nhau một cách có hiệu quả nhằm đạt tới những mục tiêu chung”. Tác giả đã liên hệ với thực tiễn xã hội Việt Nam như sự tin cậy trong giao thông, chữ tín trong kinh doanh và chỉ ra xu hướng nhà nước hóa và xu hướng chính trị hóa có ảnh hưởng đến lòng tin và sự phát triển xã hội hiện nay.

Nghiên cứu gần đây của Nguyễn Quý Thanh và Nguyễn Thị Khánh Hòa (2013) về các thành tố và cấu trúc lòng tin xã hội của người Việt Nam (bao gồm: tin vào thành viên gia đình trực tiếp; lòng tin với các cá nhân ngoài gia đình; lòng tin vào cán bộ công chức, viên chức; lòng tin vào truyền thông đại chúng; lòng tin vào nhóm/giai tầng xã hội) cho thấy, mức độ cao nhất là lòng tin giữa các thành viên gia đình và thấp nhất là lòng tin vào các cá nhân ngoài gia đình. Bên cạnh đó, sự kỳ vọng và tin cậy có xu hướng giảm sút và bó hẹp trong khuôn khổ quan hệ gia đình, việc tìm kiếm sự tin cậy ở ngoài gia đình là rất khó khăn hiện nay.

3. Đặc điểm của niềm tin xã hội

Có những cách hiểu khác nhau về niềm tin xã hội, song về cơ bản hiện có hai cách hiểu sau. Cách hiểu thứ nhất cho rằng “niềm tin xã hội” là một thực thể xã hội, mang đặc trưng xã hội, chịu sự ảnh hưởng của thể chế, văn hóa và hệ thống giáo dục. Nếu thể chế là tác nhân có ảnh hưởng lớn đến các khuôn mẫu và pháp luật và nền tảng văn hóa góp phần không nhỏ vào việc củng cố niềm tin của con người vào thể chế đó. Không khó để nhận ra những ảnh hưởng này khi tìm hiểu về tập quán “trọng sĩ” khi mà xã hội không chỉ trọng người cao tuổi mà còn tin cậy người cao tuổi; vì vậy khi lựa chọn các cá nhân (bổ nhiệm hay bầu cử) vào một vị trí, người có thâm niên thường có lợi thế hơn trong các ứng viên. Tập tục “trọng nam khinh nữ” hoài nghi phụ nữ có thể đảm nhận các công việc quan trọng như lãnh đạo, quản lý ở các cấp, nhất là tầm quốc gia.

Bên cạnh văn hóa, yếu tố giáo dục cũng có ảnh hưởng ở các mức độ khác nhau đến niềm tin xã hội. Giáo dục phản ánh rất rõ chế độ chính trị và văn hóa của một dân tộc, một quốc gia. Nền giáo dục phong kiến dạy dỗ con người phục tùng, biết vâng lời, cam chịu để thực hiện mệnh lệnh của cấp trên, và con người tin vào số phận, vào bần phận. Nền giáo dục ở các quốc gia phát triển, văn minh hướng tới việc tạo ra những con người tự do, yêu lao động, tôn trọng pháp luật và tôn trọng quyền con người, trung thực, nhân ái và hiệu quả.

Cách hiểu thứ hai cho rằng “niềm tin xã hội” phụ thuộc vào việc các cá nhân tin hoặc không tin vào một thể chế cụ thể. Nếu cách hiểu thứ nhất giúp nhận diện con người (cá nhân) là một thực thể của xã hội, phụ thuộc vào xã hội thì cách hiểu thứ hai nhận diện con người với tư cách cá nhân trong sự tương tác với xã hội. Do đó, khi nghiên cứu niềm

tin xã hội cần vận dụng cả hai cách hiểu trên, bởi lẽ cần đo lường được mức độ tin cậy của các cá nhân, các nhóm xã hội cũng như các yếu tố chi phối niềm tin của họ.

Có thể nhận thấy một số đặc điểm của niềm tin xã hội như sau:

Niềm tin là một giá trị

Niềm tin là một giá trị trong đời sống xã hội, nó không chỉ khẳng định các giá trị tinh thần như văn hóa, đạo đức, nhân cách trong quan hệ giữa người và người mà nó còn tạo ra giá trị vật chất. Niềm tin là một loại “năng lượng” tạo nên hiệu quả kinh tế - xã hội. Vì vậy thành ngữ “mất của cải là mất ít, mất niềm tin là mất nhiều”, “một sự bất tín, vạn sự bất tín” là có cơ sở thực tiễn.

Niềm tin là vốn xã hội

Niềm tin tồn tại và tạo ra sự gắn kết xã hội. Đây là nguồn vốn dự trữ vô hình, bởi không có niềm tin, xã hội sẽ không tồn tại, thậm chí sẽ bị sứt mẻ hỗn loạn và khủng hoảng. Niềm tin là nguồn lực giữ vững ổn định xã hội, giảm chi phí trong các giao dịch và quan hệ xã hội.

Niềm tin và sự biến đổi niềm tin

Có những niềm tin chỉ tồn tại trong thời gian ngắn và sau đó bị thay thế bởi một niềm tin khác. Đây là hiện tượng thường gặp trong đời sống xã hội và trong quan hệ con người. Hiện tượng này cho thấy tin cậy và hoài nghi luôn là hai mặt song hành của niềm tin. Sự biến đổi này có nguyên nhân từ thực tế, minh chứng và giải thích rõ lý do tại sao niềm tin là thứ không thể mua, càng không thể bán hay ra lệnh mà có được. Niềm tin cần dựa trên sự trung thực, khách quan, công bằng, minh bạch, lương thiện, nhất là trong các giao dịch và các quan hệ xã hội.

4. Kết luận

Niềm tin xã hội vừa là mục tiêu, vừa là động lực quan trọng để phát triển bền vững, ổn định chính trị, bảo đảm an ninh, quốc phòng. Niềm tin xã hội trở thành chủ đề nghiên cứu thời sự, có ý nghĩa thực tiễn và chính sách. Rất khó để đưa ra một công thức chung và ngắn gọn về cơ sở lý luận nghiên cứu niềm tin xã hội, bởi lẽ, cơ sở lý luận là một khái niệm rộng, nó bao gồm hệ thống khái niệm, phương pháp luận, nhận thức luận, hệ thống tri thức lý thuyết, hệ thống tri thức thực nghiệm, cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu. Bài viết này bước đầu phác thảo cơ sở lý luận nghiên cứu niềm tin xã hội thông qua tìm hiểu và nhận diện nội hàm của khái niệm niềm tin xã hội cũng như một số đặc điểm của nó.

Điều đáng nói là, tiếp cận xã hội học là rất cơ bản và phù hợp trong nghiên cứu niềm tin xã hội. Thế mạnh của xã hội học chính là các bằng chứng được đưa ra trên cơ sở được thu thập khách quan bằng phương pháp định lượng và phương pháp định tính. Cách tiếp cận này khắc phục được tình trạng suy luận chủ quan hoặc tư biện cho rằng niềm tin là trạng thái tâm lý của cá nhân. Bên cạnh đó, xã hội học hoàn toàn có thể chia sẻ và kết hợp với các chuyên ngành khác như triết học, thống kê học, nhân học, tâm lý học, kinh tế học. Do vậy tiếp cận liên ngành là cần thiết để phân tích và giải thích các sự kiện, các

hiện tượng xã hội, trong đó có niềm tin, tránh nhận thức phiến diện và chủ quan trong khoa học.

Tài liệu tham khảo

- Bùi Văn Nam Sơn. 2003. “Tin và đáng tin”, trong sách: *Lòng tin và vốn xã hội* (Nhiều tác giả, 2013). Nxb Tri thức, Hà Nội.
- Đặng Nguyên Anh. 2015. *Thực trạng niềm tin xã hội: Kinh nghiệm nghiên cứu Ba Lan và một số gợi ý cho Việt Nam*. Thuyết minh đề tài nghiên cứu khoa học theo nghị định thư. Viện Xã hội học, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.
- Nguyễn Ngọc Phú. 2000. Bàn về niềm tin cá nhân. *Tạp chí Tâm lý học*, số 2.
- Nguyễn Quý Thanh và Nguyễn Thị Khánh Hòa. 2013. Các thành tố và quan hệ giữa chúng trong cấu trúc lòng tin xã hội của người Việt Nam. *Tạp chí Xã hội học*, số 4.
- Putnam, Robert D. 2013. Bowling một mình: sự suy giảm vốn xã hội của Mỹ. *Tạp chí Khoa học xã hội*, Số 9(81)
- Scott, John và Gordon Marshall (chủ biên). 2012. *Từ điển Xã hội học Oxford*, biên dịch: Bùi Thế Cường, Đặng Thị Việt Phương, Trịnh Huy Hóa. Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
- Turner, Bryan. 2006. *The Cambridge Dictionary of Sociology*. Cambridge University Press.
- Trần Hữu Quang. 2013. “Lòng tin trong xã hội và vốn xã hội”, trong sách: *Lòng tin và vốn xã hội* (Nhiều tác giả, 2013). Nxb Tri thức, Hà Nội.
- Trần Thị Minh Đức. 2006. *Định kiến và phân biệt đối xử theo giới*. Lý thuyết và thực tiễn. Đại học Quốc gia Hà Nội.
- Trịnh Đình Bảy. 2002. *Niềm tin và xây dựng niềm tin khoa học*. Luận án Tiến sỹ Triết học. Viện Triết học, Viện Khoa học xã hội Việt Nam.
- Weber, Max. 2008. *Nền đạo đức Tin Lành và tinh thần của chủ nghĩa tư bản*. Nxb Tri thức.